

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
XÃ BÁT TRÀNG

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN
QUÝ I/2025

Bát Tràng, năm 2025

Số: 406/QĐ-UBND

Bát Tràng, ngày 12 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán quý I năm 2025 của xã Bát Tràng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÁT TRÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 5499/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 Về việc Giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Bát Tràng cho các đơn vị thực hiện;

Theo đề nghị của Văn phòng UBND xã; Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán quý I/2025 của xã Bát Tràng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày kết thúc ngày niêm yết công khai

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã và thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã

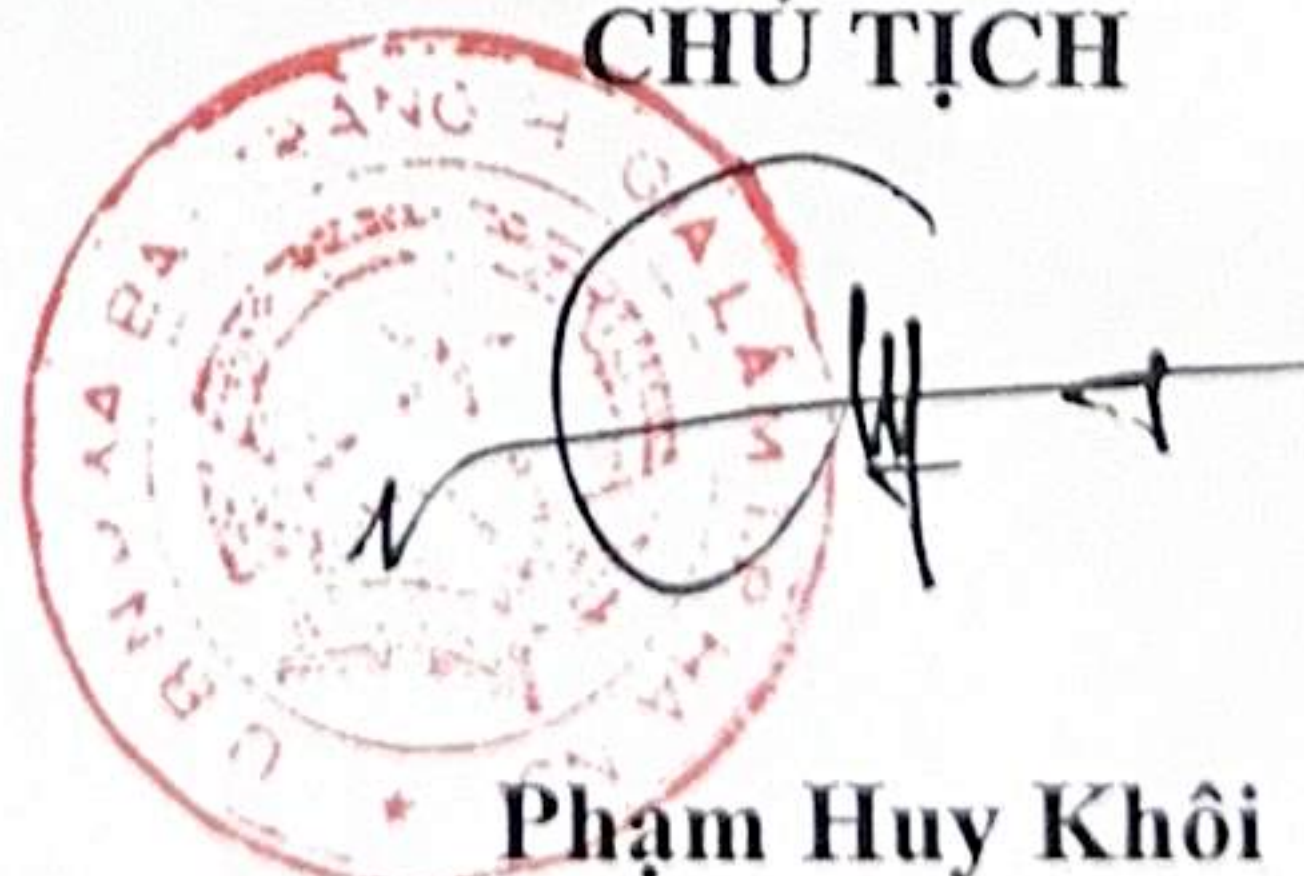
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã Bát Tràng, Tài chính-Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Huy Khôi

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2025 của UBND xã Bát Tràng)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý I năm 2025	So sánh
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	29,757,975	17,316,778	58
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1,770,000	12,799	1
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	3,010,000	781,834	
3	Thu bổ sung	11,476,100	4,070,000	35
	- Thu bổ sung cân đối	10,549,000	2,700,000	26
	- Thu bổ sung có mục tiêu	927,100	1,370,000	
4	Thu kết dư	1,049,730	-	
5	Thu chuyển nguồn	12,452,145	12,452,145	
II	Tổng số chi	21,086,538	4,275,012	20
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	20,700,538	4,275,012	21
3	Dự phòng	386,000	-	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số: 106/QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2025 của UBND xã Bát Tràng)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện quý I năm 2025			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	Tổng chi	33,538,683	-	33,538,683	4,275,012	-	4,275,012	12.7		12.7
	Trong đó									
1	Chi an ninh trật tự	1,426,440		1,426,440	333,168		333,168	23.36		23.36
2	Chi dân quân tự vệ	1,237,487		1,237,487	259,097		259,097	20.9		20.9
3	Chi sự nghiệp dân số KHHGD	35,000		35,000	-		-	0.0		0.0
4	Chi sự nghiệp y tế	-		-			-			
5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	295,000		295,000	100,368		100,368	34.0		34.0
6	Chi sự nghiệp phát thanh	129,175		129,175	14,251		14,251	11.0		11.0
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	150,000		150,000	-		-	0.0		0.0
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	15,619,298		15,619,298	3,268,750		3,268,750	20.9		20.9
9	Chi cho sự nghiệp môi trường	100,000		100,000	-		-	0.0		0.0
10	Chi sự nghiệp kinh tế	25,000		25,000	-		-	0.0		0.0
11	Chi sự nghiệp chính sách	100,000		100,000	26,430		26,430	26.4		26.4
12	Chi sự nghiệp chăm sóc trẻ em	100,000		100,000	-		-	0.0		0.0
13	Chi hưu xã và sự nghiệp xã hội khác	240,600		240,600	29,748		29,748	12.4		12.4
14	Chi khác: Hội CTĐ và NCT	468,538		468,538	243,200		243,200	51.9		51.9
15	Chi sự nghiệp thủy lợi	73,000		73,000				0.0		0.0
16	10% tiết kiệm để CCTL năm 2024	701,000		701,000	-			0.0		0.0
17	Chuyển nguồn CCTL năm 2024 sang 2025	12,452,145		12,452,145	-			0.0		0.0
18	Dự phòng ngân sách xã	386,000		386,000	-			0.0		0.0

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: UBND XÃ BÁT TRÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 11 tháng 11 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I Năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

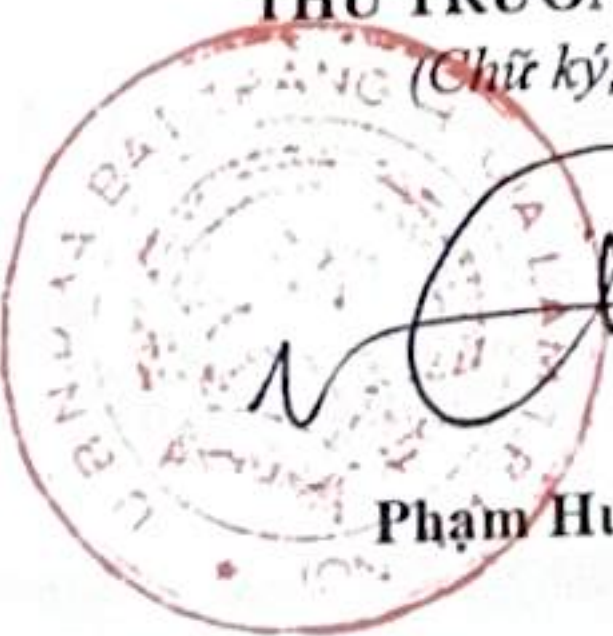
STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1872	683	36.5	223
1	Lệ phí	1802	673	37	234
	Lệ phí môn bài	333	278	83	106
	Lệ phí hộ tịch	0	0	#DIV/0!	0
	Lệ phí trước bạ nhà đất	1469	395	27	1646
2	Phí	70	10	14	56
	Phí chứng thực	70	10	14	56
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	454	683	150.4	223
1	Lệ phí	416	673	162	234
	Lệ phí môn bài	334	278	83	106
	Lệ phí hộ tịch	10	0	#DIV/0!	0
	Lệ phí trước bạ nhà đất	72	395	27	1646
2	Phí	38	10	26	56
	Phí chứng thực	38	10	14	56
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	31,740	4,275	13	142
I	Nguồn ngân sách trong nước	31,740	4,275	13	142
1	Chi quản lý hành chính	15,418	3,270	21	139
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,697	1,683	25	240
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8,721	1,587	18	705
2	Chi sự nghiệp dân số và gia đình	35	0	-	-

21	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
22	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	35	0	-	-
3	Chi bảo đảm xã hội	441	56	13	280.0
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	441	56	13	280.0
4	Chi hoạt động kinh tế	25	0	-	0.0
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25	0	-	0.0
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	100	0	-	0.0
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				0.0
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100	0	-	0.0
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	295	100	34	238.1
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	295	100	34	238.1
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	129	14	11	200
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	81	9	11	129
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	48	5	10	0
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	150	0	-	0
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				0
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150	0	-	0
9	Chi dân quân tự vệ	727	259	36	370
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	294	102	35	162
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	433	157	36	2243
10	Chi dân an ninh	1426	333	23	694
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13	0	-	0
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1413	333	24	740
11	Các hội đặc thù	469	243	52	211
111	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	114	0	-	0
112	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	355	243	68	234
13	Chi sự nghiệp thủy lợi	73	0	-	0
131	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	0
132	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	73	0	-	0
14	Nguồn CCTL năm 2024 chuyển sang 2025	12,452			
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 12 tháng 4 năm 2015

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)


Phạm Huy Khôi



Bát Tràng, ngày 12 tháng 04 năm 2025

THUYẾT MINH

Thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2025

I. ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

1.1. Dự toán thu ngân sách:

Thực hiện theo Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Gia Lâm, dự toán giao đầu năm gồm:

- Thu NSNN trên địa bàn: **17.803.000.000** đồng
- Thu ngân sách xã : **19.303.100.000** đồng (không bao gồm thu chuyển nguồn và kết dư)
 - + Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 4.780.000.000 đồng
 - + Thu bổ sung cân đối: 11.476.100.000 đồng
- Tổng thu ngân sách xã : **29.757.975.000** đồng, bao gồm:
 - + Thu theo dự toán đầu năm giao: 16.256.100.000 đồng
 - + Thu chuyển nguồn CCTL năm 2024 chuyển sang 2025: 12.452.144.603 đồng
 - + Thu kết dư ngân sách xã năm 2024: 1.049.729.542 đồng

1.2. Thực hiện thu ngân sách:

Thực hiện thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã quý 1 năm 2025:
9.204.633.000/17.803.000.000 đồng đạt 52% dự toán huyện giao và HĐND xã thông qua.

Thực hiện thu ngân sách xã:

- Tổng thu ngân sách xã: 17.316.778.000 đồng, bằng 58% dự toán trong đó:
- + Thu phí, lệ phí: 9.799.000 đồng, bằng 14% so với dự toán.
 - + Thu từ quỹ đất công: 0 đồng
 - + Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 394.884.000 đồng, bằng 27% so với dự toán.
 - + Thu thuế môn bài: 278.400.000 đồng, bằng 84% so với dự toán.
 - + Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 108.550.000 đồng, bằng 9% so với dự toán.
 - + Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định: 0 đồng
 - + Thu khác phạt: 3.000.000 đồng
 - + Thu khác: 0 đồng,
 - + Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.070.000.000 đồng, gồm có:
 - + Bổ sung cân đối: 2.700.000.000 đồng.
 - + Bổ sung có mục tiêu: 1.370.000.000 đồng
 - Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang: 12.452.145.000 đồng

I. Chi trong cân đối ngân sách xã:

- Dự toán giao đầu năm theo QĐ số: 6499/QĐ-UBND của UBND huyện là: 19.303.100.000 đồng.

Thực hiện trong quý I năm 2025: 4.275.012.000 đồng bằng 22% dự toán huyện giao và bằng 12.7% tổng dự toán chi ngân sách xã(Bao gồm dự toán chi nguồn CCTL: 12.452.145.000 đồng): *Gồm có:*

1 Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 0 đồng

2 Chi thường xuyên: 4.275.012.000 đồng

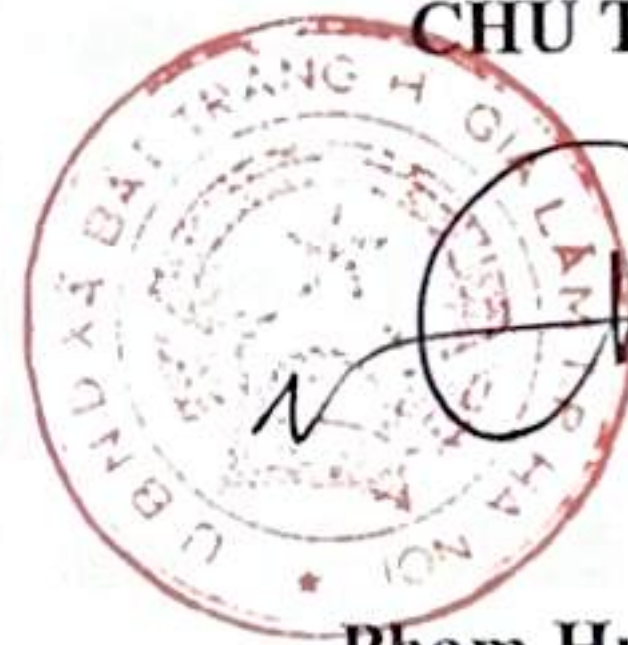
Thực hiện 4.275.012.000/33.538.683.000 đồng bằng 12.7% tổng dự toán chi ngân sách xã(bao gồm cả dự toán chi chuyển nguồn CCTL: 12.452.145.000 đồng).

Chi tiết gồm:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 0 đồng, bằng 0% dự toán giao
- Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin : 100.368.000 đồng, bằng 34% dự toán giao
- Chi sự nghiệp Đài phát thanh: 14.251.000 đồng, bằng 11% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 0 đồng
- Chi công tác đảm bảo xã hội: 29.748.000 đồng, bằng 12.4% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp chăm sóc trẻ em: 0 đồng
- Chi sự nghiệp chính sách: 26.430.000 đồng, bằng 26.4% dự toán giao
- Chi QLNN, Đảng, đoàn thể: 3.268.750.000 đồng, bằng 20.9 % dự toán giao
- Chi an ninh trật tự: 333.168.000 đồng, bằng 23% dự toán giao.
- Chi dân quân tự vệ: 259.097.000 đồng, bằng 20.9% dự toán giao.
- Chi hoạt động hội đặc thù: 243.200.000 đồng bằng 51.9% dự toán giao:
- Chi công tác dân số: 0 đồng,
- Chi sự nghiệp môi trường: 0 đồng,

Trên đây là thuyết minh ước thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2025 của UBND xã Bát Tràng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Huy Khôi

